

Số: **19** /BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05** tháng **01** năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Tình hình thời tiết

- Thời tiết từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: Nhiệt độ trung bình cao hơn từ 1,0°C - 1,5°C so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình từ 27°C - 28°C. Tổng lượng mưa thấp hơn từ 15 - 40mm so với TBNN. Giá trị tổng lượng mưa 50 - 80mm.

- Dự báo tình hình thời tiết từ ngày 01 - 31 tháng 01 năm 2024: Xu thế nhiệt độ phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 1,0°C - 2,0°C. Nhiệt độ trung bình từ 26,5°C - 27,5°C. Xu thế lượng mưa thấp hơn từ 5 - 15mm so với TBNN cùng thời kỳ. Giá trị tổng lượng mưa 5 - 15 mm.

2. Tiến độ sản xuất cây trồng

a) Cây lúa

Vụ Đông xuân 2023 - 2024		Vụ Mùa 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mạ	2.190,0	Mạ	-
Đẻ nhánh	1.636,0	Đẻ nhánh	-
Làm đòng	115,0	Làm đòng	40,0
Trổ	6,0	Trổ	754,0
Chín	-	Chín	738,0
Thu hoạch	49,0	Thu hoạch	3.208,2
Tổng	3.996,0	Tổng	4.740,2

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024		4.454,4	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.335
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.120,2	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	810
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	389,3	3. Cây lương thực		247,6
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	313,6	Bắp	Sinh trưởng	218,3
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	164,8	Khoai mì	Sinh trưởng	27,2

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trường	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trường	DTGT (ha)
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	137,3	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.460,8
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.234,4			

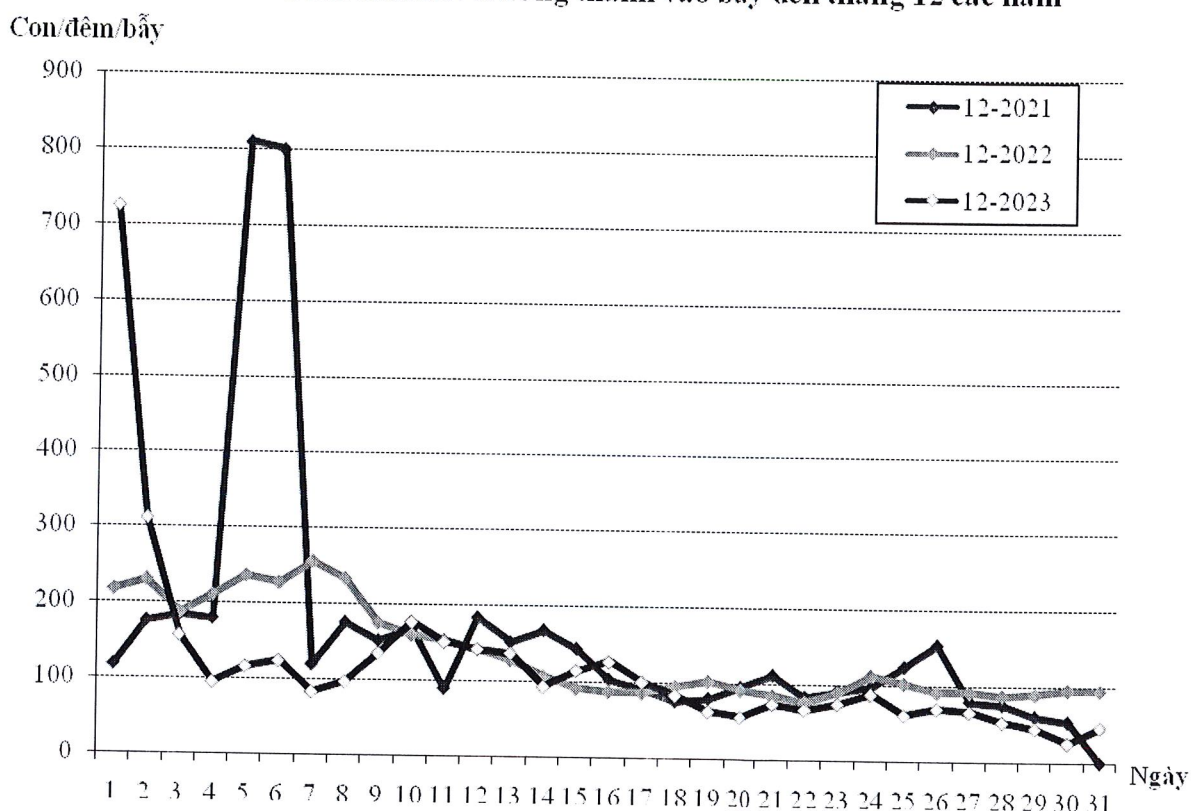
Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU VÀ THIÊN ĐỊCH

1. Số liệu theo dõi côn trùng (rầy nâu) vào bẫy đèn tháng 12/2023

Loại bẫy: bẫy đèn quạt hút trên cây lúa

Diễn biến RN trưởng thành vào bẫy đèn tháng 12 các năm



III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại (SVGH) chủ yếu

1.1 Cây lúa

- Vụ Mùa 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	BC,BT
2	Cào cào	1-3			1-5	BC
3	OBV	3-10			Các giai đoạn	HM,BC
4	Chuột	3			Các giai đoạn	HM,BC,BT

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	Đạo ôn	3-10%			1-3	BC,BT
6	Vàng lá	1-3			1-3	BC

Ghi chú: OBV: Ốc bươu vàng; CC: Củ Chi, HM: Hóc Môn, BC: Bình Chánh, BT: Bình Tân

- Vụ Đông xuân 2023 - 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu đục thân	2-3			1-5	TĐ
2	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	TĐ,HM
3	Bọ trĩ	3-5			1-5	CC,HM
4	Sâu phao	1-5			1-5	CC,HM
5	OBV	3-10			Các giai đoạn	TĐ,CC,HM
6	Chuột	3			Các giai đoạn	CC
7	Đạo ôn	3-10%			1-3	TĐ,HM
8	Cháy bìa lá	1-3			1-5	TĐ

Ghi chú: OBV: Ốc bươu vàng; CC: Củ Chi, HM: Hóc Môn, BC: Bình Chánh, BT: Bình Tân

1.2 Cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM,Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM,Q12,CC,BC,BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ,HM,Q12,BC,BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM,CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	BC,CC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC,BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM,BC,CC
10	Rầy xám	100 ->500			1-5	TĐ,HM,Q12
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC,CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ,HM,Q12
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12,BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM,Q12,BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT
19	Đốm lá	2-5			1-3	HM,Q12,BC
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ,HM

2. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

2.1 Cây lúa

a) Vụ Mùa năm 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 205,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (324,5 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Bình Chánh, Hóc Môn. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm sâu cuốn lá, ốc bươu vàng, chuột và bệnh đạo ôn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 13,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (27,2 ha)
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 33,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (183,2 ha)
- Chuột: Diện tích nhiễm 100,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (48,2 ha)
- Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 43,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (25,5 ha)

b) Vụ Đông xuân 2023 - 2024

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 929,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (957,3 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi và Hóc Môn. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm bọ trĩ, sâu phao, ốc bươu vàng và chuột. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 126,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (122,5 ha)
- Sâu phao: Diện tích nhiễm 48,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (109,7 ha)
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 665,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (522,0 ha)
- Chuột: Diện tích nhiễm 79,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (104,0 ha)

2.2 Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tháng là 573,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (575,9 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 1.610,3 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, vàng lá và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 105,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (108,3 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, Quận 12 và thành phố Thủ Đức.

- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 55,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (56,0 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 32,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (26,0 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- Dòi đục lá: Diện tích nhiễm 21,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (11,4 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (208,5 ha). Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Quận 12.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích nhiễm 27,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (36,8 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn và thành phố Thủ Đức.

- Bệnh thối nhũn: Diện tích nhiễm 11,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (13,7 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

2.3 Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại là 33,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (56,9 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 31,4 ha chiếm 92,6% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Cây hoa lan: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 15,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (12,5 ha).

- Cây hoa mai: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 17,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (43,7 ha).

- Cây hoa khác: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước (0,7 ha).

2.4 Cây trồng khác

- Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

- Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

- Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

4.1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Thường xuyên theo dõi mật số rầy trên đồng ruộng và mật số rầy vào đèn để chủ động trong công tác phòng trừ rầy nâu trên lúa. Khuyến cáo nông dân thăm đồng, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép), có thể sử dụng một trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Không nên phun phòng rầy, đặc biệt đối với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có trên đồng và tránh dịch hại bùng phát vào giai đoạn sau.

- Khuyến cáo thăm đồng, nắm sát diễn biến của bệnh hại để kịp thời đưa ra các biện pháp quản lý hiệu quả:

+ Chú ý bọ trĩ, sâu phao trên trà lúa giai đoạn mạ - đẻ nhánh; sâu cuốn lá nhỏ trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng; bệnh đạo ôn lá, đốm vằn trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng; bệnh đạo ôn cổ bông giai đoạn trổ - chín. Khuyến cáo chủ động phun ngừa bệnh đạo ôn cổ bông trên các ruộng trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đạm, ruộng đã nhiễm bệnh đạo ôn ở giai đoạn trước trổ.

+ Chú ý ốc bươu vàng gây hại trên lúa mới xuống giống <15 ngày sau sạ, đặc biệt trên các chân ruộng thấp, trũng, khó thoát nước. Dùng lưới, phên tre chặn khi tháo nước vào ruộng để ngăn ốc theo nước di chuyển vào ruộng, sử dụng cọc gỗ, cành cây cắm ở ruộng nước nhằm thu hút ốc đến đẻ trứng để dễ dàng thu gom và tiêu huỷ, ...

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ, dòi đục lá. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đóm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- Cây hoa lan: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đóm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- Cây hoa mai: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

d) Các loại cây trồng khác

- Cây bắp: Cần lưu ý sâu keo mùa thu,... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trổ cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đóm lá, chuột,...

- Cây khoai mì: Cần lưu ý bệnh khảm lá virus trên cây khoai mì. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- Cây dứa: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đóm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

4.2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi tình hình sinh vật gây hại trên lúa vụ Mùa năm 2023 và tình hình cây trồng vụ Đông xuân 2023 - 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16 tháng 01 năm 2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHHCN);
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Tp.Thủ Đức, Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT, Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục II
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2023 - 2024
(Kèm theo Báo cáo số: 19/BC-CCTTBVT, ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu đục thân	0,2			0,2	0,2	-		TĐ
2	Sâu cuốn lá	8,3			8,3	1,6	35,0		TĐ, HM
3	Bọ trĩ	126,1			126,1	8,7	122,5		CC, HM
4	Sâu phao	48,1			48,1	0,2	109,7		CC, HM
5	Đạo ôn	2,5			2,5	1,6	37,1		TĐ, HM
6	Đốm vằn	-			-	-	27,0		-
7	OBV	665,3			665,3	24,6	522,0		CC, TĐ, HM
8	Chuột	79,0			79,0	19,0	104,0		CC
9	Cháy bìa lá	0,2			0,2	0,2	-		TĐ
	Tổng	929,7			929,7	56,1	957,3		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU
 (Kèm theo Báo cáo số: **10** /BC-CCTTBVTV, ngày **05** tháng **01** năm 2024 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhầy	32,3			32,3	13,6	26,0	62,7	HM,Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	55,9			55,9	48,5	56,0	181,5	HM,Q12,CC,BC,BT
3	Sâu tơ	15,6			15,6	12,3	19,3	43,8	TĐ,HM,Q12,BC,BT
4	Dòi đục lá	21,4			21,4	17,2	11,4	50,9	HM,CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,7	9,0	BC
6	Sâu ăn tạp	105,6			105,6	88,0	108,3	335,5	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT
7	Bọ trĩ	15,6			15,6	14,6	12,8	44,0	BC,CC
8	Rầy mềm	1,0			1,0	1,0	1,1	4,5	BC,BT
9	Rầy xanh	16,9			16,9	14,6	12,9	41,6	HM,BC,CC
10	Rầy xám	16,1			16,1	16,9	34,0	40,6	TĐ,HM,Q12
11	Bọ phấn	9,0			9,0	8,0	-	28,0	CC
12	Sâu xít đen	0,7			0,7	0,7	1,5	3,5	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	4,0	-	TĐ
14	Ruồi đục trái	15,9			15,9	3,9	7,3	42,6	BC,CC
15	OBV	208,6			208,6	208,6	208,5	550,5	TĐ,HM,Q12
16	Ốc sên	0,6			0,6	0,6	0,6	2,5	Q12,BC
17	Tnhũn/r.cài	11,9			11,9	15,1	13,7	32,9	HM,Q12,BC
18	Rỉ trắng/RM	27,4			27,4	24,4	36,8	97,0	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT
19	Đóm lá	5,3			5,3	4,8	10,6	17,4	HM,Q12,BC
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	0,8			0,8	0,4	2,2	1,8	HM
21	Vàng lá	7,1			7,1	7,4	7,1	20,1	TĐ,HM
	Tổng	573,5			573,5	506,4	575,9	1.610,3	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục IV
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIẾNG
 (Kèm theo Báo cáo số: **10** /BC-CCTTBTV, ngày **05** tháng **01** năm 2024 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nhệ-Tb	Nặng		MT	Kỳ trước			CKNT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	15,8			15,8	16,0	12,5	15,1	
1	Muối hại bông	5,6			5,6	5,7	6,1	5,5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT, CG, Q7
2	Nhện đỏ	0,3			0,3	0,3	0,2	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,8			0,8	0,8	0,6	0,7	CC, BC
5	Ốc sên	0,3			0,3	0,4	0,2	0,3	TĐ, CG
6	Đóm lá	3,8			3,8	4,0	3,1	3,6	TĐ, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khô đầu lá	1,9			1,9	1,7	0,2	1,9	TĐ, CG, Q7
8	Thối nhũn	1,3			1,3	1,3	0,9	1,1	CC, BC, CG, Q7
9	Đóm đen	0,5			0,5	0,5	0,4	0,3	CC
10	Vàng lá	0,7			0,7	0,7	0,6	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,2			0,2	0,2	0,1	0,2	BC
12	Rêu xanh	0,4			0,4	0,5	0,1	0,4	TĐ
II	Hoa mai	17,4			17,4	18,9	43,7	15,7	
1	Nhện đỏ	1,8			1,8	2,1	4,6	1,8	TĐ, HM, Q12, CC, CG
2	Sâu ăn lá	5,6			5,6	6,8	12,9	5,6	TĐ, HM, Q12, CC, BC, CG
3	Bọ trĩ	2,4			2,4	3,0	6,9	2,4	TĐ, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Rệp vảy	0,2			0,2	0,2	-	0,2	HM, Q12
5	Rầy xanh	1,5			1,5	1,5		1,5	BC
6	Cháy lá	2,8			2,8	2,3	3,2	2,6	TĐ, CC
7	Mốc cam	0,4			0,4	0,4	0,4	0,4	CG
8	Nấm hồng	1,2			1,2	1,2	0,3	1,2	BC, BT
9	Rong rêu	1,5			1,5	1,5	15,0	-	TĐ
III	Cây hoa khác	0,7			0,7	0,7	10,0	1,5	TĐ, CC, BC, BT, CG
	Tổng cộng	33,9			33,9	35,6	56,9	31,4	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT